TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2023/HS-ST
Ngày 20-6-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Võ Thị Chúc Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Phước Tân và ông Nguyễn Văn Hồng.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thanh Trúc Phương – Thư ký Toà án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Chau San - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, Tòa án nhân dân huyện An Phú đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 27/2023/HSST ngày 18/5/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2023/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Hữu Đ (Đức La H), sinh năm: 1990; nơi cư trú: khóm C, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang. quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Cao Đài; học lực: 01/12; nghề nghiệp: làm thuê; cha: Nguyễn Hữu P, sinh năm 1965; mẹ: Trần Thị T, sinh năm 1964; anh, em ruột có 06 người, bị cáo là người thứ ba.

Tiền án: Ngày 18/11/2017, bị Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xử phạt 05 năm tù về tội "Cướp giật tài sản", chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 27/01/2022.

Tiền sự: Không.

Về nhân thân:

Ngày 04/6/2009, bị Tòa án nhân dân thị xã Châu Đốc, tỉnh An Giang xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt tù, đã xóa án tích.

Ngày 07/8/2017, bị Công an huyện A, tỉnh An Giang xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản, đã nộp phạt ngày 20/9/2017.

Ngày 15/11/2022, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C áp dụng biện pháp quản lý người sử dụng trái phép chất ma

túy tại phường.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/01/2023 đến nay tại Nhà tạm giữ - Công an huyện A.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*:

1. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1979; nơi cư trú: Tổ E, khóm T, thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1985; nơi cư trú: Tổ E, khóm T, thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang. (có mặt)

Ông N ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Đường s năm 1985; nơi cư trú: Tổ E, khóm T, thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang theo Giấy ủy quyền ngày 09/3/2023 của Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1968; nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1982; nơi cư trú: Khóm T, thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

Bà H1, ông T1 ủy quyền bà Nguyễn Thị Đường s năm 1985; nơi cư trú: Tổ E, khóm T, thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang theo Giấy ủy quyền ngày 09/3/2023 của Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Thái Bảo L. (vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Văn N1. (vắng mặt)

3. Ông Dương Quốc K. (vắng mặt)

4. Cháu Nguyễn Hữu K1. (vắng mặt)

5. Cháu Nguyễn Hữu L1. (vắng mặt)

Giám hộ cho Nguyễn Hữu K1 và Nguyễn Hữu L1 là ông Trần Văn M. (vắng mặt)

6. Ông Nguyễn Phước T2. (vắng mặt)

7. Cháu Trần Phú T3. (vắng mặt)

Giám hộ cho Trần Phú T3 là bà Bà Nguyễn Thị Đ1.

8. Bà Dương Thị H2. (vắng mặt)

9. Bà Nguyễn Thị M1. (có mặt)

10. Ông Trương Vĩnh P1. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 10 phút, ngày 19/01/2023, Nguyễn Hữu Đ đi xe ôm từ thành phố C, tỉnh An Giang đến thị trấn L, huyện A để tìm tài sản lấy trộm, khi đi Đ mang theo lưỡi dao lam. Đến khoảng 01 giờ, ngày 20/01/2023, Đ đi đến khu vực khóm T, thị trấn L, huyện A thấy nhà chị Nguyễn Thị Đ1 có tổ chức đám cưới, người trong nhà đang ngủ, nhà không khóa cửa, Đ kêu người chạy xe ôm dừng xe, đứng chờ. Đ đi vào nhà chị Đ1, dùng lưỡi dao lam rạch mùng lấy trộm 01 sợi dây chuyền vàng 18 kara trọng lượng 05 chỉ; 01 túi đựng vàng màu đỏ bên trong gồm: 01 sợi dây chuyền vàng 18 kara trọng lượng 3,3 chỉ; 01 chiếc nhẫn tròn vàng 24 kara, trọng lượng 02 chỉ; 01 chiếc nhẫn tròn vàng 24 kara, trọng lượng 1,5 chỉ; 01 chiếc nhẫn tròn vàng 24 kara, trọng lượng 0,5 chỉ; 01 chiếc nhẫn tròn vàng 24 kara, trọng lượng 0,5 chỉ; số tiền 1.670.000đ của chị Đ1, rồi Đ đi ra chỗ người chạy xe ôm. Sau đó, Đ quay trở lại nhà chị Đ1 tiếp tục dùng lưỡi dao lam rạch mùng lấy 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 và 01 điện thoại di động Vivo Y21S của anh Nguyễn Văn N và lấy 01 cái ví để trên tủ thờ, bên trong có giấy tờ tùy thân của anh Nguyễn Văn T1. Sau khi lấy xong, Đ kêu người chạy xe ôm chở đi được 01 đoạn thì bị người dân phát hiện truy bắt, người chạy xe ôm chạy thoát, còn Đ nhảy xuống xe bỏ chạy nhưng bị bắt cùng tang vật là 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 và 01 điện thoại di động Vivo Y21S, số tiền 1.670.000đ và 01 cái ví. Riêng số vàng không thu được, Đ khai bị đánh rơi khi bỏ chạy.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 02, ngày 21/01/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện A kết luận: 01 điện thoại di động Iphone 12, trị giá 11.000.000đ; 01 điện thoại di động Vivo Y21S, trị giá 1.500.000đ; 01 sợi dây chuyền vàng 18 kara trọng lượng 3,3 chỉ, trị giá 11.269.000đ; 01 sợi dây chuyền vàng 18 kara trọng lượng 05 chỉ, trị giá 17.075.000đ; 01 chiếc nhẫn tròn vàng 24 kara, trọng lượng 02 chỉ, trị giá 10.960.000đ; 01 chiếc nhẫn tròn vàng 24 kara, trọng lượng 1,5 chỉ, trị giá giá 8.220.000đ; 01 chiếc nhẫn tròn vàng 24 kara, trọng lượng 0,5 chỉ, trị giá: 2.740.000đ; 01 chiếc nhẫn tròn vàng 24 kara, trọng lượng 0,5 chỉ, trị giá: 2.740.000đ. Tổng cộng trị giá tài sản là 65.504.000đ.

Ngày 27/01/2023, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện A ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can Nguyễn Hữu Đ.

Tại Cáo trạng số 29/CT-VKSAP-HS ngày 16/5/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú đã truy tố Nguyễn Hữu Đ về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Hữu Đ thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã nêu. Bị cáo trình bày thuê người xe ôm chở bị cáo từ thành phố C đến thị trấn L, khi đến nhà bà Đ1 bị cáo kêu người xe ôm đợi bên ngoài, sau đó vào trong chiếm đoạt tài sản. Lần đầu bị cáo dùng dao lam rạch mùng chiếm đoạt số tiền 1.670.000đ, 01 sợi dây chuyền và một túi đựng vàng màu đỏ (bên trong có vàng). Bị cáo ra ngoài kêu người xe ôm tiếp tục đợi mình, sau đó vào lại nhà trộm tiếp 02 điện thoại di động cùng 01 ví da (bên trong không có tiền). Khi bị truy đuổi, số vàng chiếm đoạt đã đánh rơi mất, tuy nhiên bị cáo

không có ý kiến về kết luận định giá tài sản và đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bà Đ1 số tiền 53.000.000đ.

Bà Nguyễn Thị Đ1 trình bày: Bà đã nhận lại số tiền 1.670.000đ, nay bà yêu cầu bị cáo bồi thường số vàng trị giá 53.000.000đ, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đối với vật chứng 01 cái mùng và 01 áo khoác do bị cáo dùng lưỡi dao làm rách bà không yêu cầu bồi thường, cũng không yêu cầu nhận lại.

Bà Nguyễn Thị M1 trình bày phù hợp nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu lời luận tội đối với hành vi của các bị cáo và giữ nguyên truy tố như Cáo trạng. Đề nghị căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Đ từ 04 (bốn) đến 05 (năm) năm tù về tội "*Trộm cắp tài sản*".

Do bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đồng ý bồi thường số vàng bị mất, với số tiền là 53.000.000đ cho bị hại Nguyễn Thị Đ1 nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thỏa thuận trên.

Về vật chứng của vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để xử lý vật chứng: Tiêu hủy vật chứng vụ án không còn giá trị: 01 lưỡi dao lam; 01 mùng ngủ bằng lưới màu xanh; trên mùng có 02 vết cắt dài 0,1m và 0,2m của Nguyễn Thị Đ1; 01 áo khoát màu đen có bông màu trắng đỏ, một túi có vết cắt dài 0,07m của Nguyễn Thị Đ1. Trả lại Nguyễn Hữu Đ tài sản cá nhân không liên quan đến vụ án gồm 01 cái ví màu nâu bên trong có 01 giấy căn cước công dân tên Nguyễn Hữu Đ; 01 điện thoại di động ITEL màu đen, viền đỏ, số IMEL1: 3545.4910.5455.487; IMEI2: 3545.4910.5455.495, sim kèm theo số 0327.553.824 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 50A3-9543 thu giữ trên người của Nguyễn Hữu Đ.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về tội danh, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và hình phạt.

Trong lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về đi làm có tiền bồi thường cho bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện A, tỉnh An Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt không rõ lý do. Tuy nhiên, những người này đã có lời khai thể hiện rõ trong hồ sơ vụ án. Xét, những người tham gia tố tụng vắng mặt đều đã có lời khai tại Cơ quan Điều tra được thể hiện trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử; căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về tội danh:

Mặc dù số vàng không thu hồi được nhưng toàn bộ quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đều xác định ngoài các tài sản theo Biên bản phạm tội quả tang ngày 20/01/2023 của Công an thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang, thì bị cáo có chiếm đoạt 01 sợi dây chuyền cùng một túi đựng vàng màu đỏ, bị cáo ý thức và biết được bên trong túi là vàng gồm nhẫn và dây chuyền (phù hợp Bút lục 81, 86), bị cáo nhận thức được rằng chính hành vi chiếm đoạt của bị cáo mới dẫn đến việc thất lạc số vàng. Đối với loại vàng, trọng lượng vàng bên trong túi cũng được chủ tiệm V (Bút lục 155, 156). Như vậy lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Đ1 cũng không có ý kiến về việc bị cáo trình bày người chở bị cáo là xe ôm (dạng dịch vụ vận tải sử dụng xe gắn máy chở người và nhận thù lao), bà chỉ yêu cầu một mình bị cáo bồi thường số vàng bị mất.

Từ những lời khai và chứng cứ nêu trên đủ cơ sở xác định: Nguyễn Hữu Đ có hành vi lén lút, lợi dụng gia đình bà Nguyễn Thị Đ1 và ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn T1 ngủ sau khi tổ chức đám cưới để chiếm đoạt tiền mặt, vàng, 02 điện thoại di động với tổng trị giá tài sản theo định giá là 67.174.000đ. Hành vi của Nguyễn Hữu Đ đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sữa đổi, bổ sung năm 2017).

Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất vụ án: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương.

Bị cáo là người trưởng thành, có sức khỏe, đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Lẽ ra các bị cáo phải tìm việc làm hợp pháp để tạo ra của cải lo cho bản thân và gia đình nhưng do bản chất lười lao động, nghiện ma túy, muốn có tiền tiêu xài mà bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

[4] Xét về nhân thân và mức hình phạt:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có trình độ học vấn thấp, thuộc thành phần lao động nghèo, tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này, bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại đến 02 lần, lần đầu vào chiếm đoạt tiền và vàng, sau đó tiếp tục quay lại chiếm đoạt điện thoại và các tài sản khác; bị cáo mới chấp hành hình phạt xong năm 2022 chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội. Do đó áp dụng các tình tiết tăng nặng tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo có nhân thân không tốt, cụ thể: Ngày 04/6/2009, bị Tòa án nhân dân thị xã Châu Đốc, tỉnh An Giang xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt tù, đã xóa án tích. Ngày 07/8/2017, bị Công an huyện A, tỉnh An Giang xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản, đã nộp phạt ngày 20/9/2017. Ngày 15/11/2022, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C áp dụng biện pháp quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy tại phường. Bị cáo có 01 (một) tiền án: Ngày 18/11/2017, bị Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xử phạt 05 năm tù về tội "Cướp giật tài sản", chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 27/01/2022.

Nhận thấy bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, do đó Hội đồng xét xử nghĩ nên có hình phạt nghiêm khắc mới đủ sức răng đe, giáo dục bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bà Đ1 yêu cầu bị cáo bồi thường 53.000.000đ, bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bà Đ1, nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận. ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn T1 đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bồi thường.

Bà Nguyễn Thị H1 có văn bản ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Đ1 theo Giấy ủy quyền ngày 09/3/2023 có xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang. Do bà Đ1 là người trực tiếp quản lý tài sản, trong đó bao gồm cả 01 sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 18 kara của bà H1, nên Hội đồng xét xử sẽ buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bà Đ1. Giữa bà H1 và bà Đ1 sẽ tự thỏa thuận về việc hoàn trả tài sản, sau này có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự.

Trong vụ án này, bị cáo trình bày người chở bị cáo là người xe ôm do bị cáo thuê, hiện chưa làm rõ được địa chỉ, nhân thân của người này, do đó đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục làm rõ, xử lý theo quy định pháp luật.

[6] Về xử lý vật chứng:

Các vật chứng gồm: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 màu xám đen, số seri C39VKC44TCL8, kèm theo sim số 0789430855; 01 điện thoại di động hiệu Vivo Y12S màu xanh, số IMEL1: 8676.9505.9510.071, IMEL2:

8676.9505.9510.064, số điện thoại 0385.605.539; 01 cái ví màu nâu, bên trong có 02 giấy căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn T1 và Phan Thị C; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 73E1-162.80; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 67G1-654.11; tiền Việt nam 1.670.000 đồng. Ngày 01/02/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả lại cho bà Đ1, ông N và ông T1 nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Các vật chứng còn lại:

01 cái ví màu nâu bên trong có 01 giấy căn cước công dân tên Nguyễn Hữu Đ; 01 điện thoại di động ITEL màu đen, viền đỏ, số IMEL1: 3545.4910.5455.487; IMEI2: 3545.4910.5455.495, sim kèm theo số 0327.553.824 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 50A3-9543 thu giữ trên người của Nguyễn Hữu Đ; Đây là tài sản của bị cáo không liên quan đến việc thực hiện hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

01 mùng ngủ bằng lưới màu xanh; trên mùng có 02 vết cắt dài 0,1m và 0,2m; 01 áo khoát màu đen có bông màu trắng đỏ, một túi có vết cắt dài 0,07m. Đây là tài sản của bà Nguyễn Thị Đ1, tuy nhiên bà Đường k yêu cầu nhận lại nên tịch thu, tiêu hủy.

01 lưỡi dao lam đã qua sử dụng, đây là công cụ để bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu, tiêu hủy.

Lẽ ra, bị cáo còn có thể bị phạt tiền nhưng xét bị cáo hiện có hoàn cảnh khó khăn, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Hữu Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu Đ (Đ) phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 2 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu Đ 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày bắt tạm giam 20/01/2023.

Căn cứ các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự;

Buộc bị cáo Nguyễn Hữu Đ có nghĩa vụ bồi thường cho bà Nguyễn Thị Đường số tiền 53.000.000đ (Năm mươi ba triệu đồng).

Căn cứ vào các Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu, tiêu hủy 01 lưỡi dao lam đã qua sử dụng; 01 mùng ngủ bằng lưới màu xanh; trên mùng có 02 vết cắt dài 0,1m và 0,2m; 01 áo khoác màu đen có bông màu trắng đỏ, một túi có vết cắt dài 0,07m.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hữu Đ 01 cái ví màu nâu bên trong có 01 giấy căn cước công dân tên Nguyễn Hữu Đ; 01 điện thoại di động ITEL màu đen, viền đỏ, số IMEL1: 3545.4910.5455.487; IMEI2: 3545.4910.5455.495, sim kèm theo số 0327.553.824 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 50A3-9543 thu giữ trên người của Nguyễn Hữu Đ.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/5/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện A và Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú).

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Hữu Đ phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.650.000đ (Hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/6/2023), bị cáo, bà Nguyễn Thị Đ1 có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang (01);
- VKSND tỉnh An Giang (01);
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang (01);
- VKSND huyện An Phú (02);
- Nhà Tạm giữ CAHAP(01);
- Thi hành án DS huyện AP (01);
- Bộ phận THAHS Tòa án HAP(01);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (01);
- Bị hại, liên quan (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án (01);
- Lưu văn phòng (01).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Chúc Phương